

PHỤ LỤC

(Kèm theo Kế hoạch số/KH-UBND, ngày tháng 01 năm 2025 của UBND thị xã An Nhơn)

Số TT	Khu đất	Dự kiến đầu giá quyền sử dụng đất năm 2025			Thời gian dự kiến đầu giá đến cuối năm 2025	Ghi chú
		Số lô	Diện tích (m2)	Dự kiến thu ngân sách từ tiền đầu giá quyền sử dụng đất (đồng)		
I	UBND thị xã đầu tư	910	131.566,81	1.319.860.400.000		
1	Phường Bình Định	151	28.968,80	358.969.256.000		
1.1	Khu dân cư số 2 phía Đông đường Nguyễn Văn Linh, khu vực Vĩnh Liêm	92	12.527,90	144.458.730.000		
1.1.1	Khu B2-4	36	3.646,90	44.600.700.000	Quý I và Quý III năm 2025	Từ lô số 01 đến lô số 36
1.1.2	Khu B2-6	40	4.196,33	50.587.970.000	Quý I và Quý III năm 2025	Lô số 01; từ lô số 03 đến lô số 40 và lô số 73
1.1.3	Khu B2 - 7	4	440,06	6.823.960.000	Quý I năm 2025	Từ lô số 16 đến lô số 19
1.1.4	Khu NP - TM 2	12	4.244,61	42.446.100.000	Quý I năm 2025	Lô số 01, từ lô số 14 đến lô số 24
1.2	Khu dân cư phía Đông đường Nguyễn Văn Linh, khu vực Vĩnh Liêm	57	16.052,90	210.630.526.000		
1.2.1	Khu NP-TM 1	11	3.384,90	45.215.040.000	Quý I năm 2025	Từ lô số 14 đến lô số 23 và lô số 25
1.2.2	Khu NP-TM 2	2	456,90	6.499.740.000	Quý I năm 2025	Lô số 01, lô số 02
1.2.3	Khu NP-TM 3	3	815,20	12.110.280.000	Quý I năm 2025	Lô số 01 đến lô số 03
1.2.4	Khu NP - TM 4	5	1.054,50	14.718.600.000	Quý I năm 2025	Từ lô số 01 đến lô số 05
1.2.5	Khu NP - TM 5	3	1.391,80	20.738.380.000	Quý I năm 2025	Từ lô số 01 đến lô số 03
1.2.6	BT 3	6	1.597,80	18.694.260.000	Quý I năm 2025	Từ lô số 01 đến lô số 06
1.2.7	BT 4	10	2.760,30	33.146.334.000	Quý I năm 2025	Từ lô số 01 đến lô số 10
1.2.8	BT 5	5	1.338,00	16.858.800.000	Quý I năm 2025	Từ lô số 02 đến lô số 06
1.2.9	BT 6	10	2.814,00	36.478.512.000	Quý I năm 2025	Từ lô số 01 đến lô số 10
1.2.10	Khu F	1	197,20	2.768.688.000	Quý I năm 2025	Lô số 20
1.2.11	Khu H	1	242,30	3.401.892.000	Quý I năm 2025	Lô số 20
1.3	Khu dân cư tổ 5, khu vực kim Châu	2	388,0	3.880.000.000		
1.3.1	Khu A22	1	194,70	1.947.000.000	Quý I năm 2025	Lô số 02
1.3.2	Khu A24	1	193,30	1.933.000.000	Quý I năm 2025	Lô 12
2	Khu tái định cư khu vực Trung Ái, phường Nhơn Hoà	28	4.606,70	33.526.800.000		

Số TT	Khu đất	Dự kiến đầu giá quyền sử dụng đất năm 2025			Thời gian dự kiến đầu giá đến cuối năm 2025	Ghi chú
		Số lô	Diện tích (m2)	Dự kiến thu ngân sách từ tiền đầu giá quyền sử dụng đất (đồng)		
2.1	Khu A	12	1.669,70	15.390.900.000	Quý I năm 2025	Lô số A19; lô A20; từ lô số A22 đến lô số A30 và lô A32
2.2	Khu B	7	1.359,50	8.948.400.000	Quý I năm 2025	Từ lô số B10 đến lô số B12; lô B15 và từ lô số B17 đến lô số B19
2.3	Khu C	9	1.577,50	9.187.500.000	Quý I năm 2025	Từ lô số C17 đến lô số C20; lô C24 và từ lô số C27 đến lô số C30
3	Phường Nhơn Hưng	633	74.397,01	729.339.644.000	-	-
3.1	Khu dân cư phía Tây đường Chu Văn An (Khu A)	1	130,40	1.721.280.000	Quý I năm 2025	Lô số 18 (Khu A)
3.2	Khu dân cư phía Tây đường liên phường Bình Định đi Nhơn Hưng	38	4.591,50	56.982.884.000		
3.2.1	Khu NOLK01	18	2.591,50	32.482.884.000	Quý I và Quý III năm 2025	Từ lô số 01 đến lô số 14 và từ lô số 25 đến lô số 28
3.2.2	Khu NOLK02	20	2.000,00	24.500.000.000	Quý II năm 2025	Từ lô số 03 đến lô số 12 và từ lô số 41 đến lô số 50
3.3	Khu dân cư tiếp giáp với khu dân cư N4A nối dài về phía Tây	86	11.806,21	111.160.364.000		
3.3.1	Khu NOLK01	30	4.254,43	40.312.446.000	Quý I và Quý II năm 2025	Từ lô số 01 đến lô số 06; từ lô số 161 đến lô số 21 và từ lô số 23 đến lô số 40
3.3.2	Khu NOLK02	41	5.368,00	50.080.215.000	Quý I năm 2025	Lô số 01 và từ lô số 03 đến lô số 42
3.3.3	Khu NOLK03	12	1.560,75	14.061.520.000	Quý I năm 2025	Từ lô số 01 đến lô số 12
3.3.4	Khu NOLK04	3	623,03	6.706.183.000	Quý II năm 2025	Từ lô số 01 đến lô số 03
3.4	Khu dân cư dọc đường N4A nối dài về phía Đông phường Nhơn Hưng và xã Nhơn An (Giai đoạn 1)	332	37.981,30	376.846.976.000	-	
3.4.1	Tại phường Nhơn Hưng	149	17.314,30	189.265.710.000		
3.4.1.1	Khu LK05	81	9.235,80	111.165.760.000	Quý I năm 2025	Từ lô số 01 đến lô số 81
3.4.1.2	Khu LK06	15	2.001,30	17.718.570.000	Quý II năm 2025	Từ lô số 01 đến lô số 15
3.4.1.3	Khu LK07	9	1.161,10	9.869.250.000	Quý II năm 2025	Từ lô số 01 đến lô số 09
3.4.1.4	Khu LK08	10	1.138,70	9.678.950.000	Quý II năm 2025	Từ lô số 01 đến lô số 10
3.4.1.5	Khu LK09	34	3.777,40	40.833.180.000	Quý I và Quý II năm 2025	Từ lô số 01 đến lô số 34
3.4.2	Tại xã Nhơn An	183	20.667,00	187.581.266.000		

Số TT	Khu đất	Dự kiến đầu giá quyền sử dụng đất năm 2025			Thời gian dự kiến đầu giá đến cuối năm 2025	Ghi chú
		Số lô	Diện tích (m2)	Dự kiến thu ngân sách từ tiền đầu giá quyền sử dụng đất (đồng)		
3.4.2.1	Khu LK 28	47	5.314,00	53.611.900.000	Quý II năm 2025	Từ lô số 01 đến lô số 47
2.4.2.2	Khu LK 29	26	3.002,80	27.922.488.000	Quý I năm 2025	Từ lô số 01 đến lô số 06 và từ lô số 23 đến lô số 42
2.4.2.3	Khu LK 30	42	4.802,70	43.780.112.000	Quý I năm 2025	Từ lô số 01 đến lô số 42
2.4.2.4	Khu LK 31	20	2.194,90	19.573.420.000	Quý II năm 2025	Từ lô số 01 đến lô số 20
2.4.2.5	Khu LK 32	26	3.158,20	24.101.566.000	Quý II năm 2025	Từ lô số 01 đến lô số 26
2.4.2.6	Khu TDC 04	22	2.194,40	18.591.780.000	Quý II năm 2025	Từ lô số 01 đến lô số 22
3.5	Khu dân cư dọc đường Tôn Thất Tùng nối dài về phía Đông phường Nhơn Hưng (Giai đoạn 1)	176	19.887,60	182.628.140.000		
3.5.1	Khu LK 07	48	6.249,60	59.767.560.000	Quý I năm 2025	Từ lô số 12 đến lô số 49; từ lô số 51 đến lô số 56; lô 60; lô 61; lô 66 và 67
2.5.2	Khu LK 10	26	2.815,50	25.749.240.000	Quý I năm 2025	Từ lô số 03 đến lô số 28
2.5.3	Khu LK 08	34	3.792,90	34.498.340.000	Quý I năm 2025	Từ lô số 01 đến lô số 34
2.5.4	Khu LK 09	68	7.029,60	62.613.000.000	Quý I năm 2025	Từ lô số 01 đến lô số 67 và lô số 69
4	Phường Đập Đá:	97	23.378,30	196.404.700.000		
4.1	Khu dân cư Đông Bàn Thành 2, khu vực Bả Canh	93	22.927,50	191.896.700.000		
4.1.1	Khu LK - 01	18	2.515,50	39.558.250.000	Quý I năm 2025	Lô số 01; từ lô số 08 đến lô số 14; lô số 16; lô số 17; từ lô số 19 đến lô số 21; từ lô số 24 đến lô số 27 và lô số 34
4.1.2	Khu LK - 02	8	10.000,00	13.005.000.000	Quý I năm 2025	Lô số 12; lô số 13; từ lô số 17 đến lô số 20; lô số 22 và lô số 23
4.1.3	Khu LK - 03	13	1.426,50	17.643.200.000	Quý I năm 2025	Lô số 01; từ lô số 07 đến lô số 10; từ lô số 13 đến lô số 16; lô 18; lô 19; lô 21 và lô 22
4.1.4	Khu LK - 04	1	177,00	2.973.600.000	Quý I năm 2025	Lô số 19
4.1.5	Khu LK - 06	19	2.189,50	26.761.900.000	Quý I năm 2025	Lô số 01; lô 04; lô 05; lô 07; lô 10; từ lô số 20 đến lô số 30; lô số 32; lô 33 và lô 35
4.1.6	Khu OSH	12	3.559,50	51.399.600.000	Quý I năm 2025	Từ lô số 01 đến lô số 12
4.1.7	Khu LK - 07	16	2.216,50	30.860.650.000	Quý I năm 2025	Lô số 01; từ lô số 03 đến lô số 15; lô 20 và lô 21

Số TT	Khu đất	Dự kiến đấu giá quyền sử dụng đất năm 2025			Thời gian dự kiến đấu giá đến cuối năm 2025	Ghi chú
		Số lô	Diện tích (m2)	Dự kiến thu ngân sách từ tiền đấu giá quyền sử dụng đất (đồng)		
4.1.8	Khu TĐC	6	843,00	9.694.500.000	Quý I năm 2025	Từ lô số 03 đến lô số 07 và lô 11
4.2	Khu đất mở rộng chợ Đập Đá, thị xã An Nhơn sang đất ở đô thị	4	450,80	4.508.000.000		
4.2.1	Khu A1					Từ lô số 17 đến lô số 19
4.2.2	Khu A2	4	450,80	4.508.000.000	Quý II năm 2025	Lô số: L04; L07; L08 và L10
5	Khu dân cư khu vực Vạn Thuận, phường Nhơn Thành (Khu E)	1	216,00	1.620.000.000	Quý I năm 2025	Lô số 01A
II	UBND xã, phường làm chủ đầu tư	677	79.172,45	526.317.038.920		
1	Phường Nhơn Hoà	26	2.461,39	22.296.680.920		
1.1	Khu dân cư thôn Tân Hoà (Khu A5)	2	336,70	1.515.150.000	Quý I năm 2025	Lô số 15 và lô số 16
1.2	Khu dân cư kết hợp tái định cư đường Trần Nguyên Hãn, khu vực Trung Ái	5	845,89	4.515.930.920		
1.2.1	Khu A	2	323,64	2.047.687.920	Quý I năm 2025	Lô số A10 và lô số A11
1.2.2	Khu B	1	161,75	918.093.000	Quý I năm 2025	Lô số B22
1.2.3	Khu C	2	360,50	1.550.150.000	Quý I năm 2025	Lô số C02 và lô số C03
1.3	Khu dân cư khu vực Hoà Nghi (Khu B)	19	1.278,80	16.265.600.000	Quý I năm 2025	(Khu B): Từ lô số 18 đến lô số 36
2	Phường Nhơn Hưng	6	849,70	4.990.528.000		
2.1	Khu dân cư Phò An (Đợt 2)	3	378,80	1.749.928.000		
2.1.1	Khu C	2	238,00	1.023.400.000	Quý II năm 2025	Lô số 3 và Lô số 12
2.1.2	Khu D	1	140,80	726.528.000	Quý I năm 2025	Lô số 01
2.2	Điểm dân cư khu vực Hoà Cư (Khu B)	3	470,90	3.240.600.000	Quý I năm 2025	Lô số 01; lô số 05 và lô số 06
3	Khu dân cư Đông Bàn Thành 3, phường Đập Đá	236	21.971,00	216.684.450.000		
3.1	Khu LK05	21	1.980,80	17.827.200.000	Quý III năm 2025	Từ lô số 01 đến lô số 21
3.2	Khu LK06	14	1.649,00	15.655.000.000	Quý II năm 2025	Từ lô số 15 đến lô số 28
3.3	Khu LK07	14	1.309,50	12.440.250.000	Quý II năm 2025	Từ lô số 22 đến lô số 35

Số TT	Khu đất	Dự kiến đấu giá quyền sử dụng đất năm 2025			Thời gian dự kiến đấu giá đến cuối năm 2025	Ghi chú
		Số lô	Diện tích (m2)	Dự kiến thu ngân sách từ tiền đấu giá quyền sử dụng đất (đồng)		
3.4	Khu LK08	18	2.230,00	21.185.000.000	Quý III năm 2025	Từ lô số 01 đến lô số 18
3.5	Khu LK09	49	4.848,10	48.481.000.000	Quý I và Quý III năm 2025	Từ lô 01 đến lô 25; từ lô 34 đến lô 46 và từ lô 47 đến lô 57
3.6	Khu LK10	48	4.031,70	41.917.000.000	Quý I và Quý III năm 2025	Từ lô số 01 đến lô số 24, lô 27, lô 28, lô 30, lô 31, từ lô số 35 đến lô số 54
3.7	Khu LK11	44	3.466,80	34.628.000.000	Quý I và Quý II năm 2025	Từ lô số 01 đến lô số 24, lô 31, lô 32, từ lô số 36 đến lô số 53
3.8	Khu LK12	28	2.455,10	24.551.000.000	Quý I và Quý II năm 2025	Từ lô số 01 đến lô số 05, lô số 29, lô 32, từ lô số 34 đến lô số 54
4	Phường Nhơn Thành	61	7.791,70	48.811.492.000		
4.1	Điểm dân cư Đám Hào, khu vực Lý Tây	8	1.095,40	4.439.340.000	Quý I năm 2025	Lô số 07; lô số 10 và từ lô số 13 đến lô số 18
4.2	Khu dân cư tổ 7, khu vực Châu Thành	25	3.386,60	19.282.180.000		
4.2.1	Khu A	13	1.620,00	8.910.000.000	Quý I và Quý III năm 2025	Lô số 03; lô 04 và từ lô số 08 đến lô số 18
4.2.2	Khu D	12	1.766,60	10.372.180.000	Quý I năm 2025	Lô số 12; lô số 13; từ lô số 16 đến lô số 24 và lô số 31
4.3	Khu quy hoạch dân cư sau Trường THCS, khu vực Tiên Hội	3	626,70	3.721.900.000	-	-
4.3.1	Khu C	2	459,90	2.554.300.000	Quý I năm 2025	Lô số 06 và lô số 07
4.3.2	Khu F	1	166,80	1.167.600.000	Quý I năm 2025	Lô số 17
4.4	Điểm dân cư Tổ 9, khu vực Châu Thành	25	2.683,00	21.368.072.000		
4.4.1	ODT - LK	24	2.529,50	20.170.772.000	Quý III năm 2025	Từ lô số 01 đến lô số 24
4.4.2	ODT - NV	1	153,50	1.197.300.000	Quý III năm 2025	Lô số 01
5	xã Nhơn An: Khu đất phía Tây tuyến đường liên xã thuộc khu trung tâm xã theo QH chung xây dựng nông thôn mới, thôn Tân Dương	40	5.006,50	28.024.534.000	-	-
5.1	Khu A04	18	2.401,30	12.018.408.000	Quý III năm 2025	Lô số 01; lô số 02 và lô số 15 đến lô số 30
5.2	Khu A06	9	1.146,20	7.003.440.000	Quý II năm 2025	Từ lô số 01 đến lô số 08 và lô số 13,
5.3	Khu A08	2	214,80	1.509.516.000	Quý II năm 2025	Lô số 05 và lô số 06

Số TT	Khu đất	Dự kiến đầu giá quyền sử dụng đất năm 2025			Thời gian dự kiến đầu giá đến cuối năm 2025	Ghi chú
		Số lô	Diện tích (m2)	Dự kiến thu ngân sách từ tiền đầu giá quyền sử dụng đất (đồng)		
5.4	Khu A09	5	501,90	2.989.530.000	Quý II năm 2025	Từ lô số 01 đến lô số 04 và lô số 06
5.5	Khu A10	6	742,30	4.503.640.000	Quý II năm 2025	Từ lô số 01 đến lô số 06
6	Xã Nhơn Phong	46	6.140,30	40.720.155.000		
6.1	Khu dân cư và chợ mới Cảnh Hàng, thôn Liêm Định	10	1.354,20	8.256.450.000		
6.1.1	Khu C	3	379,70	2.657.880.000	Quý I năm 2025	Lô số 16; lô số 17 và 24
6.1.2	Khu D	5	669,10	2.238.570.000	Quý I năm 2025	Lô số 01; lô 04; lô 07; lô 08 và lô số 14
6.1.3	Khu F	2	305,40	3.360.000.000	Quý I năm 2025	Lô số 13 và lô số 14
6.2	Điểm dân cư thôn Tam Hoà	4	480,00	3.360.000.000	Quý I năm 2025	Lô số 07; lô 08; lô 10 và lô số 11
6.3	Khu dân cư thôn Trung Lý	1	123,50	494.000.000	Quý II năm 2025	Lô số 32 (Khu A)
6.4	Khu dân cư -dịch vụ thôn Trung Lý	20	2.456,10	16.524.205.000	Quý II năm 2025	Từ lô số 05 đến lô số 13 và từ lô số 20 đến lô số 30
6.5	Khu dân cư phía Nam Rộc chợ thôn Liêm Định	11	1.726,50	12.085.500.000	Quý II năm 2025	Từ lô số 02 đến lô số 12
7	xã Nhơn Hạnh	39	4.755,60	19.806.750.000		
7.1	Khu dân cư thôn Lộc Thuận	2	307,5	768.750.000	Quý I năm 2025	Lô số 04 và lô số 05
7.2	Khu dân cư và chợ Quán Mới, thôn Lộc Thuận	37	4.448,10	19.038.000.000		
7.2.1	Khu A	18	2.246,20	11.462.200.000	Quý I năm 2025	Từ lô số 01 đến lô số 18
7.2.2	Khu B	4	468,00	2.340.000.000	Quý I năm 2025	Từ lô số 01 đến lô số 04
7.2.3	Khu C	3	351,00	1.994.850.000	Quý I năm 2025	Từ lô số 01 đến lô số 03
7.2.4	Khu D	4	468,00	2.574.000.000	Quý I năm 2025	Từ lô số 06 đến lô số 09
7.2.5	Khu E	8	914,90	666.950.000	Quý I năm 2025	Lô số 08; lô số 09; lô 12; lô 13; lô 16; lô 17; lô số 21 và lô 22
8	Xã Nhơn Tân:	79	10.646,50	54.612.515.000		-
8.1	Khu dân cư Trung tâm kết hợp đầu tư mở rộng chợ Nhơn Tân (Đợt 1 và Đợt 2)	5	1.390,80	7.498.590.000		-
8.1.1	Khu C	1	240,70	1.444.200.000	Quý I năm 2025	Lô số 07
8.1.2	Khu H	3	856,90	4.471.110.000	Quý I năm 2025	Lô số 01; lô 02 và lô 25

Số TT	Khu đất	Dự kiến đấu giá quyền sử dụng đất năm 2025			Thời gian dự kiến đấu giá đến cuối năm 2025	Ghi chú
		Số lô	Diện tích (m2)	Dự kiến thu ngân sách từ tiền đấu giá quyền sử dụng đất (đồng)		
8.1.3	Khu K	1	293,20	1.583.280.000	Quý I năm 2025	Lô số 01
8.2	Khu dân cư thôn Nam Tượng 1	3	600,00	3.600.000.000	Quý I năm 2025	Lô số A21, lô số A22 và lô số A24
8.3	Khu dân cư Nam Tượng (Đợt 1)	64	7.795,50	40.073.125.000		
8.3.1	Khu A	32	3.608,30	18.546.700.000	Quý II năm 2025	Từ lô số A33 đến lô số A64
8.3.2	Khu B	32	4.187,20	21.526.425.000	Quý II năm 2025	Từ lô số B01 đến lô số B32
8.4	Điểm dân cư xen kẹt thôn Nam Tượng 2	7	860,20	3.440.800.000	Quý II năm 2025	Từ lô số A01 đến lô số A07
9	Khu dân cư phía Đông đường vào trung tâm xã Nhơn Mỹ, thôn Thiết Tràng, xã Nhơn Mỹ	73	10.480,00	47.150.270.000		
9.1	Khu A	36	5.281,10	25.120.060.000	Quý I năm 2025	Từ lô số 01 đến lô số 36
9.2	Khu B	10	1.545,30	7.137.090.000	Quý I năm 2025	Từ lô số 01 đến lô số 10
9.3	Khu C	6	766,40	3.155.120.000	Quý I năm 2025	Từ lô số 01 đến lô số 06
9.4	Khu D	21	2.887,20	11.738.000.000	Quý I năm 2025	Từ lô số 01 đến lô số 21
10	Khu đất phía Nam khu dịch vụ và dân cư thôn An Thái, xã Nhơn Phúc	29	2.982	18.015.024.000		
10.1	Khu C	29	2.981,96	18.015.024.000	Quý I năm 2025	Từ lô số C01 đến lô số C29
11	Khu dân cư xóm Thọ Mỹ, thôn Đông Bình, xã Nhơn Thọ	42	6.087,80	25.204.640.000		
11.1	Khu NO7	27	3.710,00	15.194.440.000	Quý I năm 2025	Từ lô số 01 đến lô số 27
11.2	Khu NO8	11	1.678,80	7.161.840.000	Quý I năm 2025	Từ lô số 01 đến lô số 11
11.3	Khu NO9	4	699,00	2.848.360.000	Quý I năm 2025	Từ lô số 01 đến lô số 04
	Tổng cộng	1.587	210.739,26	1.846.177.438.920		